

Số: **03/2024/QĐST-DS**

Quế Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Trương Thị Sen.

Thư ký phiên họp: bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên họp: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 28/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 117/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: bà Lưu Thị Thanh H – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn; địa chỉ: 201 đường V, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ bà Lê Thị T, sinh năm: 1982;

+ ông Đồng Phước D, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N.

+ bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970; địa chỉ: thôn B, xã X, huyện S, tỉnh N.

+ bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1968; địa chỉ: thôn L, xã X, huyện S, tỉnh N.

+ bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1975; địa chỉ: thôn H, xã P, huyện S, tỉnh N.

+ bà Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm: 1974; địa chỉ: thôn B1, xã D, huyện D1, tỉnh N.

Tại phiên họp, ông D có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt không có lý do; những người tham gia tố tụng khác đều có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 04/5/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu - bà Lưu Thị Thanh H – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn trình bày:

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà Lê Thị T trong khối tài sản chung của vợ chồng đề thi hành án là quyền sử dụng thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 288,9m², mục đích sử dụng: đất cây lâu năm; địa chỉ: thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, sườn sắt, lợp tôn, nền gạch men, diện tích 109,5m² và 01 mái che có kết cấu sườn sắt, lợp tôn, đều được xây dựng từ năm 2020.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị N trình bày: bà T có nợ bà số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2022/QĐCNHGT-DS ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, nhưng đến nay bà T không trả nợ và bà đã có đơn yêu cầu thi hành án. Bà thống nhất nội dung yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kiều D1 trình bày: bà T có nợ bà số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2022/QĐCNHGT-DS ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, nhưng đến nay bà T không trả nợ và bà đã có đơn yêu cầu thi hành án. Bà thống nhất nội dung yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Th trình bày: bà T có nợ bà số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2022/QĐST - DS ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, nhưng đến nay bà T không trả nợ và bà đã có đơn yêu cầu thi hành án. Bà thống nhất nội dung yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị T trình bày: vợ chồng bà có khối tài sản chung là thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 288,9m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 703346 do Sở Tài nguyên & Môi trường cấp cho hộ bà Lê Thị Tỏ ngày 23/12/2020, tặng

cho ông Đồng Phước D và bà Lê Thị T ngày 20/01/2021; địa chỉ thửa đất: thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N và 01 ngôi nhà gắn liền trên đất. Trường hợp bà không tự nguyện thi hành án, bà thống nhất yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn xử lý phần quyền sở hữu của bà trong khối tài sản trên để thi hành nghĩa vụ cho những người được thi hành án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Đồng Phước D trình bày: vợ chồng ông có khối tài sản chung là thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12 và thống nhất diện tích theo trích đo hiện trạng ngày 01/12/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam là 287,8m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; địa chỉ: : thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, sườn sắt, lợp tôn, nền gạch men, diện tích 109,5m² và 01 mái che có kết cấu sườn sắt, lợp tôn, đều được xây dựng từ năm 2020. Nay ông thống nhất yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà T, ông D không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: đề nghị Tòa án áp dụng khoản 9 Điều 27, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 218 và 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33, 38, 39 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án, cụ thể: xác định bà Lê Thị T có 50% phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 287,8m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; địa chỉ: : thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, sườn sắt, lợp tôn, nền gạch men, diện tích 109,5m² và 01 mái che có kết cấu sườn sắt, lợp tôn, đều được xây dựng từ năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: bà Lưu Thị Thanh H – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Thu trong khối tài sản chung vợ chồng để thi hành án. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: ông D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà T vắng mặt tại phiên họp lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xác định phân quyền sở hữu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bà Lê Thị T trong khối tài sản chung của vợ chồng thuộc thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 287,8m² (theo trích đo hiện trạng ngày 01/12/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam), mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 703346 do Sở Tài nguyên & Môi trường cấp cho hộ bà Lê Thị Tỏ ngày 23/12/2020, tặng cho ông Đồng Phước D và bà Lê Thị T ngày 20/01/2021; địa chỉ thửa đất: : thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 110 (kể cả mặt trước 220), sườn sắt, mái lợp tôn, tầng lửng bê tông cốt thép, trần thạch cao, nền gạch men, ô tơ cao 3,7m, diện tích 109,5m² và 01 mái che có kết cấu khung sắt, mái lợp tôn, nền lát gạch men, đều được xây dựng từ năm 2020.

Tại bản tự khai ông D và bà T đều thừa nhận vợ chồng có khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 287,8m² (theo trích đo hiện trạng ngày 01/12/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam); địa chỉ: : thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, sườn sắt, lợp tôn, nền gạch men và 01 mái che sườn sắt, lợp tôn đều được xây dựng từ năm 2020. Vợ chồng đều thống nhất yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, xử lý phân tài sản thuộc quyền sở hữu của bà T để thi hành án.

Quá trình giải quyết việc dân sự xác định: ông D và bà T là vợ chồng hợp pháp, được UBND xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011, hiện nay vợ chồng đang có hộ khẩu thường trú tại : thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Theo khoản 3 Điều 33 và khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên

thì tài sản đó được coi là tài sản chung”, “tài sản chung của vợ chồng được chia đôi” . Do đó, xác định thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 287,8m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; địa chỉ: : thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N. Tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 110 (kể cả mặt trước 220), sườn sắt, mái lợp tôn, tầng lửng bê tông cốt thép, trần thạch cao, nền gạch men, ô tơ cao 3,7m, diện tích 109,5m² và 01 mái che có kết cấu khung sắt, mái lợp tôn, nền lát gạch men, đều được xây dựng từ năm 2020 là tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị T, ông Đồng Phước D và mỗi người có 50% phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với khối tài sản này.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

[3]. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 5.600.000 đồng bà Lê Thị T phải chịu. Số tiền này Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn đã nộp nên buộc bà T phải trả lại cho Chấp hành viên.

[4]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên là người yêu cầu thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 39, Điều 361, 367, 370, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 218 và 219 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33, 38, 39 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

1. Xác định bà Lê Thị T có 50% phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đối với thửa đất số 1233, tờ bản đồ số 12, diện tích 287,8m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; địa chỉ: thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh N và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 110 (kể cả mặt trước 220), sườn sắt, mái lợp tôn, tầng lửng bê tông cốt thép, trần thạch cao, nền gạch men, ô tơ cao 3,7m, diện tích 109,5m² và 01 mái che có kết cấu khung sắt, mái lợp tôn, nền lát gạch men. (Có trích đo địa chính kèm theo)

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 5.600.000 (năm triệu sáu trăm nghìn) đồng bà Lê Thị T phải chịu. Số tiền này Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn đã nộp nên buộc bà T phải trả lại cho Chấp hành viên.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn thuộc trường hợp không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Trương Thị Sen